



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/Attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thử nghiệm cơ lý thép**
Laboratory: **Steel Mechanical Laboratory**

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: **Công ty TNHH NatSteelVina**
Organization: **NatSteelVina Co., Ltd**

Số hiệu/ Code: **VILAS 760**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Cơ, Hóa**
Field: **Mechanical, Chemical**

Người quản lý/
Laboratory manager: **Hoàng Hải An**

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **Từ ngày / / 2026 đến ngày / / 2031**

Địa chỉ/Address: **Tổ dân phố Cam Giá 2, Phường Gia Sang, tỉnh Thái Nguyên**
Cam Gia 2 residential area, Gia Sang ward, Thai Nguyen province

Địa điểm/ Location: **Tổ dân phố Cam Giá 2, Phường Gia Sang, tỉnh Thái Nguyên**
Cam Gia 2 residential area, Gia Sang ward, Thai Nguyen province

Điện thoại/ Tel: **0280 3832258**

Email: **hhan@natsteelvina.com**

Website: **thepvietsing.com.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 760****Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ***Field of testing: Mechanical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Thép cốt bê tông, Thép tròn trơn và Thép thanh vằn <i>Steel for the reinforcement of concrete – Plain bars and Ribbed bars</i>	Thử kéo: - Xác định giới hạn chảy - Xác định độ bền kéo - Xác định độ giãn dài <i>Tensile test:</i> - <i>Determination of yield point</i> - <i>Determination of tensile strength</i> - <i>Determination of elongation</i>	F_{max} 1 000 kN	TCVN 197-1:2014 TCVN 7937-1: 2013 TCVN 1651-1:2018 TCVN 1651-2:2018 ASTM A370-26
2.		Thử uốn <i>Bend test</i>	Đến 180° <i>Up to 180°</i>	TCVN 197-1:2014 TCVN 7937-1: 2013 ASTM A370-26

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa*Field of testing: Chemical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Phôi thép <i>Billet</i>	Xác định thành phần hóa học. Phương pháp quang phổ phát xạ <i>Determination the chemical composition.</i> <i>Atomic emission spectrometric analysis method</i>	C: (0,02 ~ 1,1) % Mn: (0,03 ~ 2,0) % Si: (0,02 ~ 1,54) % P: (0,006 ~ 0,085) % S: (0,001 ~ 0,055) %	ASTM E415-21

Chú thích/ Note:

- ASTM: *American Society for Testing and Materials*;
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia/ *National standard*;
- Trường hợp Công ty TNHH NatSteelVina cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty TNHH NatSteelVina phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for NatSteelVina Co., Ltd that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*